TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **54**/2021/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 12 tháng 5 năm 2021*

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thu G , sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Cẩm Nê, xã HT, huyện HV, TP. Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu T, sinh năm: 1996; địa chỉ: Khu chung cư L, đường KDV, phường HM, quận L, TP. Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Ngô Thị Thu G, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Cẩm Nê, xã HT, huyện HV, TP. Đà Nẵngvà ông Trần Hữu T, sinh năm:1996; địa chỉ: Khu chung cư L, đường KDV, phường HM, quận L, TP. Đà Nẵng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thu G và ông Trần Hữu T thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2018 ngày 23 tháng 01 năm 2018 của UBND phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

2.2.Về con chung: Bà Ngô Thị Thu G và ông Trần Hữu T xác nhận 01 con chung là Trần Hữu T, sinh ngày 02.8.2018. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau

+Bà Ngô Thị Thu G trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Trần Hữu T, sinh ngày 02.8.2018

Ông Trần Hữu T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.400.000 đồng (*một triệu bốn trăm ngàn đồng*). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 05.2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Ngô Thị Thu G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Hữu T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do do các bên thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.3.Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị Thu G và ông Trần Hữu T xác nhận không có

2.4. Về án phí*:* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) bà Ngô Thị Thu G tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009289 ngày 30.3.2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Như vậy bà Ngô Thị Thu G đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND p Thanh Khê Tây,q Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy